

Bản án số: 07/2020/HS-ST

Ngày: 14-01-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Hồng;

2. Ông Nguyễn Như Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 187/2019/HSST ngày 18 tháng 12 năm 2019, đối với bị cáo họ và tên:

N N P (tên gọi khác: /); giới tính: Nam; sinh năm 1981 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 53-55- P21^B BHTQ, Phường X, Quận A, Thành phố H; nơi cư trú: A8.22 Block A, chung cư CBD số 1XX đường ĐVC, phường S, Quận E, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: nhân viên giao hàng; trình độ văn hóa: 12/12; con ông N N B, sinh năm 19XX và bà N K P, sinh năm 19X0; vợ N P H P, sinh năm 19XX, có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông N N L, sinh năm 1990; địa chỉ: 84/53/1 T V Q, Phường C, quận B, Thành phố H. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà N K P, sinh năm 19X0; địa chỉ: 53-55- P21^B BHTQ, Phường X, Quận A, Thành phố H; tạm trú: A8.22 Block A, chung cư CBD số 1XX đường ĐVC, phường S, Quận E, Thành phố H (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 50 phút ngày 13/7/2019, bị cáo N N P là nhân viên giao hàng của Công ty A đến kho hàng số 37 BVC, phường T, Quận I nhận gói hàng là phụ kiện xe gắn máy giao cho khách. P gặp ông N N L (là nhân viên giao hàng nhanh của kho) tại quầy giao hàng. Khi ký nhận đơn hàng, P nhìn thấy 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Black Shark 2 màu đen của ông L để trên tấm lót chuột máy vi tính trên bàn. P nảy sinh ý định chiếm đoạt. Lợi dụng lúc ông L không để ý, P lấy gói bưu kiện vừa nhận được để lên chiếc điện thoại Xiaomi

Black Shark 2, rồi dùng tay trái kẹp chiếc điện thoại phía dưới bu rơ khóa, đi ra cổng kho, bỏ vào cốp xe gắn máy biển số 59F1-239.83 rồi đi giao bu rơ khóa cho khách.

Sau khi phát hiện mất điện thoại, ông L báo quản lý kho L T Đ, cùng ông Đ mở camera tại quầy giao hàng ra xem thì phát hiện P trộm cắp chiếc điện thoại di động của ông L. P đi giao hàng nhưng không giao được nên P gọi điện thoại cho ông Đ, ông Đ nói P mang hàng về. Khi về tới kho, ông Đ có hỏi P về việc lấy trộm điện thoại của ông L không, thì P trả lời là có và trả lại điện thoại di động cho ông L. Sau đó, ông L và ông Đạt đưa P đến Công an phường T, Quận I trình báo sự việc.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 7, N N P đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Về trách nhiệm dân sự: ông N N L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì khác, có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bản Cáo trạng số 01/CT-VKSQ7 ngày 12/12/2019 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù.

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

- Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;
- Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa kết hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ, xét đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo N N P có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Black Shark 2 màu đen. Theo Kết luận định giá tài sản số 254/KL-HĐĐGTTTHS ngày 07/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thì tài sản bị chiếm đoạt có tổng giá trị là 6.950.000đ (sáu triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng). Hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 truy tố là đúng người, đúng tội.

Xuất phát từ động cơ tham lam tư lợi, muốn có điện thoại chơi điện tử bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi này là rất nghiêm trọng vì đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản sở hữu hợp pháp của công dân. Vì vậy, cần xét xử bằng mức án nghiêm khắc để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình có công với cách mạng; bị hại có đơn yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi Black Shark 2 màu đen. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã trả cho ông L, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01(một) USB màu xanh chứa clip hình ảnh P trộm cắp do ông L T Đ giao nộp, đây là vật chứng về hành vi phạm tội của bị cáo nên lưu kèm hồ sơ.

- 01(một) điện thoại hiệu Sam sung J7 Prime màu trắng hồng, có ốp lưng màu đen số Imei 1: 355228086189386; số Imei 2: 355229086189384 thu giữ của bị cáo P, P dùng liên lạc gia đình, bạn bè, không liên quan đến việc trộm cắp tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã trả lại cho P, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01(một) xe gắn máy hiệu Elegant màu đỏ đen, biển số 59F1-239.83 do bà N K P đứng tên đăng ký xe. Bà P cho P mượn làm phương tiện đi lại làm ăn. P trộm cắp tài sản, bà P không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã trả lại xe cho bà P, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Căn cứ vào kết quả xét nghiệm của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh và Đơn thuốc cấp của Phòng khám ngoại trú Khoa tham vấn hỗ trợ cộng đồng Quận X, Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo P bị nhiễm HIV, hiện đang điều trị ngoại trú; hoàn cảnh gia đình khó khăn; có một con sinh năm 2019, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần bắt chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[6] Xét cần thiết tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: bị hại ông N N L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo N N P phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo N N P 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 14/01/2020)

Giao bị cáo N N P cho Ủy ban nhân dân phường A, Quận X, Thành phố H để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo N N P cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Trường hợp bị cáo N N P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo N N P tại địa chỉ A8.22 Block A, chung cư CBD số 1XX đường ĐVC, phường S, Quận E, Thành phố H cho đến khi có Quyết định Thi hành án theo quy định của pháp luật.

3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tiếp tục lưu vào hồ sơ 01(một) USB màu xanh.

4. Về án phí:

Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

5. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo tại phiên tòa.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu sổ án, VT, hồ sơ;
(TK. Trang) .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Phương